

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/ DS-ST

Ngày: 12-9-2019.

V/v tranh chấp Hợp đồng thi công công trình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đặng Văn Minh.

2/ Ông Nguyễn Anh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 80/2019/TLST- DS ngày 25 tháng 4 năm 2019. Về: *Tranh chấp hợp đồng thi công công trình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-DS ngày 05/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST – DS ngày 22/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T

Địa chỉ: Số 119 Trương Định, Phường 7, quận 3, thành phố Hồ chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Nhật K – Sinh năm 1992. Chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T .

Bị đơn: Ông Văn Võ Công T – sinh năm 1976.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị Bích T – sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn Tn, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 và tại bản khai người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 04/5/2018 giữa Công ty cổ phần đầu tư và

xây dựng T với ông T1 có ký hợp đồng thi công sơn số 06/HĐTC – NHBK thỏa thuận thi công công trình sơn 04 trụ thu phát tín hiệu của Điện lực tỉnh Bình Thuận với tổng số giá trị hợp đồng là 136.000.000đ, trong hợp đồng ghi rõ thời hạn thi công là 36 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Khi ký bên Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T tạm ứng lần đầu 30% giá trị hợp đồng cho Ông T1 với số tiền cụ thể là 40.800.000đ, Ông T1 có nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và tiến hành thi công đúng tiến độ theo hợp đồng, nếu Ông T1 không hoàn thành thì bị phạt giá trị 1% hợp đồng (Ông T1 đã nhận đủ số tiền). Nhưng khi hết thời hạn nêu trên, Ông T1 không hoàn thành hợp đồng (không cung cấp được nguyên vật liệu) làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty và công ty phải hợp đồng với người khác để thực hiện công trình nêu trên. Nay Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T yêu cầu ông T1 phải hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng là 40.800.000đ. Tại đơn khởi kiện Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T với ông T1, nhưng đến nay thì hợp đồng đã được chấm dứt nên không yêu cầu nữa, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 phải trả số tiền đã tạm ứng là 40.800.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, đại diện Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần triệu tập và đến nơi ở của Ông T1, bà T để tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng Ông T1, bà T cố tình lẩn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, Ông T1, bà Tuyền vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng theo hợp đồng thi công công trình cho nguyên đơn. Xác định đây là tranh chấp hợp đồng thi công công trình. Bị đơn hiện có địa chỉ tại xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn ông T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Bích T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Ông T1, bà Tuyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 04/5/2018 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T với ông T1 có ký hợp đồng thi công sơn số 06/HĐTC – NHBK thỏa thuận thi công công trình sơn 04 trụ thu phát tín hiệu của Điện lực tỉnh Bình Thuận thỏa thuận với giá 34.000.000đ/trụ; 04 trụ với tổng giá trị hợp đồng là 136.000.000đ, trong hợp đồng ghi rõ thời hạn thi công là 36 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và Công ty xây dựng T đã tạm ứng lần đầu 30% giá trị hợp đồng với số tiền cụ thể là 40.800.000đ cho ông T1, Ông T1 có nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng và tiến hành thi công đúng tiến độ theo hợp đồng. Nhưng khi hết thời hạn nêu trên thì Ông T1 không hoàn thành hợp đồng làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty và Công ty phải hợp đồng với người khác để thực hiện công trình nêu trên. Vì vậy Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T yêu cầu ông T1 phải hoàn trả lại số tiền đã tạm ứng là 40.800.000đ.

[2.2] Xét thấy Hợp đồng thi công sơn số: 06/HĐTC – NHBK ngày 04/5/2018 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T và ông T1 được ký kết đầy đủ và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ vào hợp đồng thi công sơn số: 06/HĐTC – NHBK ngày 04/5/2018 hai bên cũng đã thỏa thuận ký kết nêu rõ về thời hạn thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ của các bên. Sau khi ký kết Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T đã chuyển vào số tài khoản của ông T1 số tiền 40.800.000đ là tiền tạm ứng 30% giá trị hợp đồng được quy định tại Điều 2 của hợp đồng theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 24/5/2018 của Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng khi đến hạn Ông T1 không thực hiện đúng theo nội dung hợp đồng đã ký, do vậy bên Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng với Ông T1 và ký kết hợp đồng với một công ty khác để thực hiện đúng tiến độ công trình, đến nay công việc đã hoàn tất. Ngoài ra, tại biên bản làm việc ghi ngày 15/3/2019 giữa đại diện Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T và ông T1 thì Ông T1 cũng thừa nhận số tiền mình đã nhận và cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ vào ngày 21/3/2019 nhưng Ông T1 vẫn không thực hiện. Do đó việc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T khởi kiện ông T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T số tiền 40.800.000đ là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét thấy trong hợp đồng thi công sơn số: 06/HĐTC – NHBK ngày 04/5/2018 chỉ có một mình ông T1 ký kết, hơn nữa phía nguyên đơn không chứng minh được số tiền Ông T1 tạm ứng trong hợp đồng là để đưa về phục vụ chi phí sinh hoạt thiết yếu cho gia đình. Tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu một mình ông T1 thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền đã nhận tạm ứng theo hợp đồng, mà

không yêu cầu bà Phạm Thị Bích T là vợ của ông T1 cùng chịu trách nhiệm hoàn trả tiền cho công ty nên việc buộc một mình ông T1 phải hoàn trả tiền cho nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định pháp luật.

Tại đơn khởi kiện bên nguyên đơn có yêu cầu tuyên bố chấm dứt hợp đồng giữa công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T với ông T1, nhưng đến nay công việc đã hoàn thành, do vậy nguyên đơn không yêu cầu nữa, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông T1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 145, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T, bà Phạm Thị Bích Tuyền không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 385, 398, 399, 400, 401, 427, 428, 429 và 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 24 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T.

Buộc ông T1 phải hoàn trả cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T số tiền 40.800.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng) đã tạm ứng theo hợp đồng thi công 06/HĐTC – NHBK ngày 04/5/2018.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2/ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự

Ông T1 phải chịu 2.040.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T 1.020.000đồng do Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026619 ngày 25/4/2019 tại chi cục thi hành án huyện Hàm Thuận Bắc.

Bà Phạm Thị Bích T không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/9/2019).

Báo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Bạch Tuyết